

Bản án số: 93/2023/HS-PT  
Ngày 06 tháng 9 năm 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Thái Văn Chân.

**Các Thẩm phán:**

- Ông Phạm Tấn Tài;
- Ông Nguyễn Phước Hưng.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Huyền.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 163/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N và Phan Văn T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 142/2023/QĐXXPT - HS ngày 23 tháng 8 năm 2023:

**Các bị cáo kháng cáo:**

**1. Tạ Thị K**, sinh năm 1966; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo phật; cha: Tạ Văn T1, sinh năm 1925 (đã chết); mẹ: Lê Thị T2, sinh năm 1927 (đã chết); chồng: Phan Văn H, sinh năm 1966 (đã chết); bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 21/3 đến 10/5/2023; bị cáo được cho tại ngoại. (có mặt)

**2. Phan Văn N (T3)**, sinh năm 1981; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa H1; cha: Phan Văn H, sinh năm 1966 (đã chết); mẹ: Tạ Thị K, sinh năm 1966 (là bị cáo trong vụ án); vợ: Lê Thị Kim N1, sinh năm 1983 (đã

ly hôn); vợ: Võ Ngọc Chúc M, sinh năm 1978; bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2023 đến nay. (có mặt)

**3. Phan Văn T (H2)**, sinh năm 1983; nơi sinh: huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 3/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo Hòa H1; cha: Phan Văn H, sinh năm 1966 (đã chết); mẹ: Tạ Thị K, sinh năm 1966 (là bị cáo trong vụ án); vợ: Nguyễn Thị Tuyết M1, sinh năm 1987 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2023 đến nay. (có mặt)

\* *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Tạ Thị K và Phan Văn T*: Luật sư Nguyễn Văn N2 và Lê Phước H3 - Công ty L, Đoàn luật sư tỉnh A; Địa chỉ: số G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

(Ngoài ra trong vụ án này bị cáo khác, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T và Phan Thành P là những đối tượng phải chấp hành bản án dân sự sơ thẩm số 202/2020/DS-ST ngày 28-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang; Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 791/QĐ-CCTHADS ngày 02-6-2021 và Quyết định Cường chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 08/QĐ-CCTHADS ngày 17-12-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Thực hiện kế hoạch cưỡng chế vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 22-02-2023, lực lượng cưỡng chế và bảo vệ cưỡng chế mặc trang phục ngành gồm: Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện C, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Công an huyện C, Quân sự và các ban ngành đoàn thể xã H đến nhà K tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh An Giang để thi hành Quyết định Cường chế chuyển giao quyền sử dụng đất số 08/QĐ-CCTHADS ngày 17-12-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Lực lượng cưỡng chế thi hành quyết định cưỡng chế đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Để ngăn cản việc cưỡng chế của lực lượng chấp pháp, thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo K, N, T và P đã có hành vi chửi bới, lăng mạ, quát tháo; các bị cáo K, T, P dùng gạch ném trúng vào lực lượng làm nhiệm vụ; bị cáo T tiếp tục cầm gạch ném trúng và gây thương tích ở đuôi mày trái ông Phạm Đức H4 là chiến sĩ nghĩa vụ phục vụ có thời hạn tại Đội Cảnh sát Thi hành án Hình sự và Hỗ trợ Tư pháp – Công an huyện C đang làm nhiệm vụ; bị cáo T tiếp tục cầm rựa, bị cáo K cầm cưa đe dọa, ngăn cản lực lượng cưỡng chế thực hiện nhiệm vụ. Trước sự chống đối quyết liệt của các bị cáo, đoàn cưỡng chế đã dừng buổi cưỡng chế, không thi hành được quyết định cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất. Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh An Giang có văn bản kiến

ngộ Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang xử lý nghiêm hành vi của các bị cáo K, N, T và P theo quy định của pháp luật.

Ngày 20-3-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố vụ án số 20 về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Ngày 20-3-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố bị can số 25 đối với Tạ Thị K để điều tra, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 06 từ ngày 21-3-2023; đến ngày 10-5-2023 được hủy bỏ biện pháp tạm giam và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09.

Ngày 20-3-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố bị can số 26 đối với Phan Văn N để điều tra, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 07 từ ngày 21-3-2023.

Ngày 20-3-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố bị can số 27 đối với Phan Văn T để điều tra, ra Lệnh bắt bị can để tạm giam số 08 từ ngày 21-3-2023.

Ngày 20-3-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang Quyết định khởi tố bị can số 28 đối với Phan Thanh P1 để điều tra, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03.

Tại Bản kết luận giám định số 127/KL-KTHS(KTSĐT-GT) ngày 18-4-2023 của Phòng K1 – Công an tỉnh A, kết luận: Trích xuất 28 ảnh từ dữ liệu 07 tập tin video lưu trữ trong đĩa DVD do Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện C, tỉnh An Giang gửi giám định, chi tiết thể hiện trong phụ lục kèm theo.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 198/23/KLTTCT-TTPY ngày 29-3-2023 của Trung tâm P2 – Sở Y kết luận: Phạm Đức H4, sinh năm 1997; địa chỉ: khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

1. Các kết quả chính: Sẹo đuôi mày trái kích thước (1,5 x 0,7) cm, sẹo lồi, màu hồng, nham nhỡ, có khâu.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28-8-2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần: Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên cho Phạm Đức H4, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là 03% (không ba phần trăm).

3. Kết luận khác: Thương tích trên do vật tày có cạnh gây nên (bút lục số: 62 – 64).

Quá trình điều tra các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận giám định pháp y; kết luận giám định nêu trên và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Các bị cáo có hành vi chống đối nhằm mục đích cản trở không cho lực lượng cưỡng chế thi hành án thi hành công vụ, thực hiện công vụ của họ.

\* Tại Cáo trạng số 30/VKSCT-HS ngày 29-5-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T, Phan Thanh P1 về tội: “Chống người thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

\* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2023/HS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang, quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T, Phan Thanh P1 phạm tội “Chống người thi hành công vụ”.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 330; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

1. Bị cáo Tạ Thị K 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. (được khấu trừ thời hạn bị bắt tạm giam từ ngày 21-3-2023 đến ngày 10-5-2023).

2. Bị cáo Phan Văn N 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-3-2023.

3. Bị cáo Phan Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21-3-2023.

- Căn cứ: khoản 1 Điều 330; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 65 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh P1 09 (chín) tháng tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án 30-6-2023. Giao bị cáo Phan Thanh P1 cho UBND xã H, huyện C, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/6/2023 các bị cáo Phan Văn N, Phan Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 04/7/2023 bị cáo Tạ Thị K có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử. Bị cáo K, bị cáo T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo N xin rút yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo; xem xét các

tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và các bị cáo khác trong vụ án, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tạ Thị K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi thực hiện hành vi là do bộc phát, nhận thức pháp luật còn hạn chế, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại không có vi phạm pháp luật gì mới, đang chăm sóc, điều trị bệnh cho người con mắc bệnh ung thư. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Bị cáo Phan Văn N rút yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Phan Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 342, Điều 348; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phan Văn N.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Thị K; Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt. Đề nghị xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Phan Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*\* Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Tạ Thị K và Phan Văn T trình bày:*

Thống nhất về tội danh và khung hình phạt như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm xem xét các tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhất thời phạm tội; nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động làm thuê; bị cáo K đã lớn tuổi, có nơi cư trú rõ ràng; đang chăm sóc cho người con đang điều trị bệnh; trong gia đình có bốn người vi phạm pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của các bị cáo K, T có thể xử phạt bị cáo T khoảng 06 tháng tù cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của bị cáo này đã chứng minh lời khai của bị cáo khác và ngược lại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; cùng các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T về tội “Chống người thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 330 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Tạ Thị K, Phan Văn N, Phan Văn T thì thấy:

Các bị cáo đều là những người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức được hành vi cản trở, chống đối lại lực lượng chấp pháp đang thi hành công vụ là vi phạm pháp luật. Nhưng vì ý thức coi thường pháp luật mà các bị cáo cố ý chửi bới, dùng gạch ném trúng vào lực lượng làm nhiệm vụ khiến cho đồng chí Phạm Đức H4 là chiến sĩ nghĩa vụ phục vụ có thời hạn tại Đội Cảnh sát Thi hành án Hình sự và Hỗ trợ Tư pháp – Công an huyện C đang làm nhiệm vụ bị thương tích. Không dừng lại ở đó, bị cáo T còn tiếp tục cầm rựa, bị cáo K cầm cưa đe dọa, ngăn cản khiến cho tổ công tác không thể thực hiện được nhiệm vụ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước, đến hoạt động bình thường của các cơ quan tổ chức, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của những người đang thi hành công vụ được pháp luật bảo vệ, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với một mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Tạ Thị K 09 tháng tù, bị cáo Phan Văn N 06 tháng tù, bị cáo Phan Văn T 09 tháng tù là phù hợp, thỏa đáng, đúng pháp luật, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Lẽ ra, cần giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm tuyên phạt. Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo Tạ Thị K đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; do bộc phát nhất thời phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án tiền sự; hoàn cảnh gia đình khó khăn; trong gia đình có 04 người cùng vi phạm pháp luật; có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại không có vi phạm pháp luật gì mới. Xét thấy, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo Phan Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã xem xét, áp dụng. Bị cáo Phan Văn N tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét và quyết định chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo K xin được hưởng án treo; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo T; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo N như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[4] Bị cáo Phan Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm e khoản 1 Điều 357, khoản 1 Điều 342; Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Tạ Thị K xin được hưởng án treo.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Phan Văn N.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phan Văn T xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ: khoản 1 Điều 330; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Riêng bị cáo Tạ Thị K được áp dụng thêm Điều 65 BLHS); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt:

- Bị cáo Tạ Thị K 09 (chín) tháng tù, về tội “Chống người thi hành công vụ”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án, ngày 06/9/2023.

Giao bị cáo Tạ Thị K cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo Tạ Thị K cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo Phan Văn N 06 (sáu) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2023.

- Bị cáo Phan Văn T (09) tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2023.

Bị cáo Tạ Thị K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Tạ Thị K)

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- TAND huyện C;
- CQCSĐT huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Tòa Hình sự;
- PV 06 - Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Văn Chấn**